TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HS- ST
Ngày: 09/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh, bà Phan Thị Nhung

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký TAND thành phố P.

Đại diện VKSND thành phố P tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXX ST – HS ngày 17/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/ QĐST – HS ngày 31/7/2018 đối với các bị cáo.

1. Nguyễn Văn Th, sinh ngày 06/10/1990 tại Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: xóm C, xã Th, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Dương Thị M và có 01 con sinh năm 2012; tiền án,tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội theo lệnh tạm giam của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20/8/1985 tại Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị B và có 02 con lớn sinh năm 2006 nhỏ sinh năm 2014; tiền án,tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội theo lệnh tạm giam của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. (có mặt)

3. Dương Văn H, sinh ngày 24/9/1988 tại Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn Gò Lá, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 4/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Minh Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); vợ, con: Không; tiền án,tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị Tòa án nhân dân thành phố P áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (có mặt)

4. Lục Minh T, (tức Lục Văn T) sinh ngày 11/6/1982 tại Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn La Phác, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn Ph và bà Trần Thị Ch; vợ: Vương Thị Tr và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; tiền án,tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị Tòa án nhân dân thành phố P áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (có mặt)

Người bị hại: Ông Hoàng Xuân M, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X, phường XH, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Dương Thị M, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm Ch, xã Th, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên

- Ông Nguyễn Văn Lập, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Kh, xã HN, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

Chị Vương Thị Tr, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn La, xã Kh, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 23 giờ 00 phút ngày 24/9/2017, Trần Văn Qu gọi điện rủ Nguyễn Văn Th đi trộm cắp xe ôtô. Th đồng ý, cả hai hẹn gặp nhau tại ngã tư xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/9/2017, Qu tiếp tục gọi điện thoại rủ thêm Nguyễn Văn Đ cùng đi trộm cắp xe ôtô với Qu và Th, đồng thời bảo Đ mang theo 01 vam phá khóa hình chữ "T" để mở cửa xe ôtô. Đ đồng ý nên Đ và Qu hẹn gặp nhau tại ngã tư xã Nguyên Khê. Sau đó Qu điều kH xe môtô nhãn hiệu Exiter màu xanh (chưa rõ BKS) đến chỗ hẹn đón Đ rồi cùng nhau đi đến ngã tư xã Nguyên Khê để gặp Th như Qu đã hẹn với Th từ trước đó. Khi Qu và Đ đến ngã tư Nguyên Khê được một lúc thì thấy Th một mình điều kH xe ôtô hiệu Suzuki, màu sơn trắng, BKS: 20D- 014.83 đến. Tại đây Qu, Th và Đ thống nhất cùng nhau đi đến địa bàn thành phố P để trộm cắp xe ô tô tải để ở ven đường và Đ sẽ là người trực tiếp dùng vam chữ "T" mở cửa xe, còn Th và Qu làm nhiệm vụ cảnh giới, nếu phát hiện thấy người sẽ bóp

còi ra hiệu. Thống nhất xong, Qu điều kH xe mô tô Exiter màu xanh chở Đ ngồi phía sau, còn Th điều kH xe ôtô BKS: 20D- 014.83 của mình cùng đi sang Phúc Yên để trộm cắp xe ô tô.

Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 25/9/2017 Qu, Đ, Th đi đến đường Phạm Văn Đồng thuộc tổ 8, phường Xuân Hòa, thành phố P thì phát hiện thấy xe ôtô tải nhãn hiệu Cửu Long, màu sơn xanh, BKS: 29C- 292.17 của ông Hoàng Xuân Mãi đang đỗ dọc ven đường bên trái, đầu xe hướng về phía trường Cao đẳng Việt Xô Số 1. Thấy vậy, Qu điều kH xe môtô dừng sau đuôi xe ôtô của ông Mãi, còn Đ vẫy tay ra hiệu cho Th đi về phía trước để cảnh giới, Th hiểu ý của Đ nên điều kH xe ô tô của mình về phía trước đầu xe ôtô của ông Mãi khoảng 20m thì dừng lại để cảnh giới. Đ và Qu đi vòng qua phía sau và đi đến cánh cửa bên lái của xe ôtô BKS: 29C- 292.17. Đ dùng 01 vam phá khóa hình chữ "T" bằng kim loại, có một đầu vam dạng bẹt đã chuẩn bị từ trước, mở khóa cửa. Mở được cánh cửa lái xe ôtô BKS: 29C- 292.17, lúc này Đ thấy chìa khóa điện của xe vẫn cắm tại ổ khóa, Thấy vậy Qu lên cabin xe và bật đèn chiếu sáng phía trước và nổ máy của xe, còn Đ điều kH xe môtô đi thẳng về phía Th. Thấy ôtô BKS: 29C- 292.17 bật đèn chiếu sáng phía trước, lúc này Th biết Đ và Qu đã trộm cắp được xe ôtô nên điều kH xe ô tô của mình đi về phía trước dẫn đường. Th điều kH xe ô tô của mình dẫn đường đi theo đường 301, qua hồ Đại Lải rồi đi qua đèo Nhe sang tỉnh Thái Nguyên. Khi cả bọn đi đến xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên thì Qu bảo Đ đi về trước, để Qu và Th đem xe ô tô trộm cắp được đi tiêu thụ, Đ đồng ý và đi xe mô tô Exiter của Qu về trước. Còn Th về nhà cất xe ôtô BKS 20D- 014.83 của mình rồi cùng Qu đi tiêu thụ xe ô tô trộm cắp. Trên đường đi Th lấy điện thoại di động của mình gọi điện cho Dương Văn H để bán chiếc xe ôtô BKS: 29C- 292.17 vừa trộm cắp được của ông Mãi, khi điện thoại Th nói rõ chiếc xe trên là do trộm cắp mà có. Nghe điện thoại xong H bảo Th đợi 1 lúc sẽ điện lại trả lời, lúc này H gọi điện thoại cho Lục Minh T rủ T mua chung chiếc xe ô tô mà Th vừa trộm cắp được đồng thời H nói rõ với T chiếc xe đó là do Th trộm cắp được mà có. T đồng ý và thống nhất với H chỉ mua chiếc xe ôtô trộm cắp của Th với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và khi Th mang xe ôtô đến thì T ra đón. Thống nhất xong H gọi điện thoại cho Th nói đồng ý mua xe ôtô trộm cắp của Th với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Th đồng ý bán nên H cho Th số điện thoại của T để hai người giao dịch mua bán với nhau. Th điện thoại cho T và hai bên hẹn gặp nhau tại khu di tích 27/7 thuộc thị trấn Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để giao dịch mua bán xe. Sau khi hẹn được T, Th bảo Qu tiếp tục điều kH xe ôtô trộm cắp được đến huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để gặp T, khi cả hai đi đến khu vực Tràn Suối Cạn thuộc địa phận thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên thì dừng lại. Tại đây, Th và Qu cùng nhau tháo bỏ 02 biển kiểm soát 29C- 292.17 của xe ôtô vừa trộm cắp được vứt xuống suối.

Đến khoảng 3h30 ngày 25/9/2018 Th và Qu đến khu di tích 27/7 thì gặp T ra đón và đưa về nhà của T. Khi đến nhà, T bảo Qu để xe ôtô BKS: 29C- 292.17

tại cổng nhà mình rồi lấy xe môtô của mình chở Qu, Th đi đến nhà H để lấy tiền nhưng không gặp H. Do H không ở nhà nên T đưa trước cho Th số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền mua xe, số tiền còn lại sẽ trả sau, Th đồng ý, cầm tiền rồi cùng Qu bắt taxi đi về nhà. Số tiền bán xe trên, Th giữ lại 1.000.000đ, còn lại 4.000.000đ Th đưa cho Qu để Qu và Đ chia nhau.

Sau khi mua được xe ôtô trộm cắp, để tránh bị phát hiện T và H đã tháo dời các bộ phận của xe ôtô BKS: 29C- 292.17 để bán phụ tùng và thay thế sang xe khác. Quá trình tháo dỡ xe ôtô trộm cắp, H đã sử dụng máy mài kim loại xóa bỏ phần số máy in trên động cơ xe ôtô, còn T sử dụng bình khí oxy cắt phần sắt xi có chứa số khung và một số xi sắt có từ trước bán sắt vụn cho anh Nguyễn Văn Lập trú tại xóm Lê Lợi, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, còn phần tổng thành hộp số mã 520 bán cho anh Nguyễn Văn Tới trú tại xóm La Kham, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và cho anh Tới mượn 02 lốp xe ôtô để sử dụng. Riêng phần cabin của xe ôtô T và H tháo ra và bóc bỏ dòng chữ và số "HOÀNG ANH; 2N 2435KG 1200KG 3765KG; DT: 0979.132.767; DC: VĨNH HƯNG- HOÀNG MAI- HN" rồi lắp vào xe ôtô tải Cửu Long BKS: 89K- 6732 của T mới mua của anh Vũ Văn Thọ ở xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để sử dụng.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Đ, Lục Minh T và Dương Văn H đều chưa có tiền án, tiền sự gì. Tuy nhiên bị cáo Th, Đ trước khi phạm tội tại Phúc Yên, ngày 24/9/2017 đã có hành vi trộm cắp xe ôtô tải BKS: 29C- 946.38 tại Ng- ĐA- Hà Nội, ngày 26/9/2017, 25/5/2018 Th và Đ đã bị cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội khởi tố bị can và bắt tạm giam về tội trộm cắp tài sản.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 51/KLĐG ngày 01/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe ôtô bị trộm cắp BKS: 29C- 292.17 nhãn hiệu Cửu Long, số máy QC480ZLQQ100805635D, số khung RRT03815DA1B00230; loại xe tải màu sơn xanh có tự trọng 2435kg, tải trọng hàng hoá 1200kg có giá trị: 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn).

Tại bản kết luận giám định số 62 /KLGĐ ngày 18/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Số máy của chiếc máy xe ôtô giám định đã bị tẩy xóa bằng phương pháp cơ học, qua giám định không xác định được số nguyên thủy.

Ngày 27/03/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố P ra quyết định trưng cầu Phòng PC54 Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định dấu vết cơ học trên hai bên cánh cửa cabin lắp trên xe ô tô BKS: 89K- 6732. Tại bản Kết luận giám định số 419/KLGĐ ngày 31/3/2018 của Phòng PC54 Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Chữ và số đã bị bóc ra để lại vết in hằn trên 02 cánh cửa cabin xe ô tô biển kiểm soát 89K- 6732 có cùng nội dung là: "HOÀNG ANH; 2N 2435KG 1200KG 3765KG; DT: 0979.132.767; DC: VĨNH HƯNG- HOÀNG MAI- HN".

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

Ngày 22/10/2017 chị Vương Thị Tr là vợ của Lục Minh T đã tự nguyện giao nộp: 01 thùng xe tải màu xanh Cửu Long 1,2 tấn, kích thước dài 2,36m, rộng 1,55m, cao 0,55m; 01 két nước làm mát màu đen, xám; 01 ba dọc; 01 ba ngang hệ thống lái; 02 chân cabin; 01 củ đề; 01 dàn lạnh điều hòa xe tải; 02 câu liêm lái; 01 hộp bi tỳ; 02 bạt khung sắt kích thước 0,5x2,1m; 02 giảm xóc trước; 01 cầu trước; 01 cầu sau xe; 01 bộ bàn ép lá côn; 02 quang nhíp; 05 quang thùng; 01 bầu chân không trợ lực phanh; 02 còi điện màu trắng; 01 động cơ ô tô màu đen; 04 lốp xe ô tô tải;

Ngày 22/10/2017, ông Nguyễn Văn Tới trú tại xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã tự nguyện giao nộp: 01 tổng thành hộp số 520 và 02 lốp xe ô tô màu đen đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định những tài sản trên là các bộ phận của xe ôtô BKS: 29C- 292.17 của ông Hoàng Xuân Mãi bị mất trộm. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chủ sở hữu. Ông Mãi đã nhận lại số tài sản trên không có yêu cầu đề nghị gì.

Ngày 21/10/2017 Lục Minh T đã tự nguyện giao nộp: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Cửu Long, màu sơn xanh, BKS: 89K - 6732, số khung 000235, số máy C71107744A, đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe ô tô BKS: 89K - 6732; 01 sổ chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 89K- 6732; 01 giấy bán xe viết bằng tay lập ngày 04/10/2017, người bán là Vũ Văn Thọ ở Kim Sơn, xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (chiếc xe trên đang lắp capin của chiếc xe BKS 29C- 292.17 của ông Mãi). Quá trình điều tra vụ án xác định tài sản trên là tài sản hợp pháp của T. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho T theo quy định của pháp luật. Riêng phần cabin đang lắp vào chiếc xe trên là cabin của chiếc xe ôtô BKS 29C- 292.17 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Hoàng Xuân Mãi nhận lại, ông Mãi không có yêu cầu đề nghị gì.

Ngày 09/12/2017 bị can Lục Minh T tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim số 0973.068.513; Dương Văn H giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu GIGI V1 màu đỏ đen đã qua sử dụng có số IMEI: 356111000011143, bên trong có lắp 01 sim số 0988.093.728. Quá trình điều tra xác định T và H đã sử dụng làm phương tiện liên lạc với các bị cáo khác để phạm tội.

Ngày 02/02/2018 chị Vương Thị Trinh là vợ của Lục Minh T đã tự nguyện giao nộp: 01 máy mài kim loại, loại cầm tay, nhãn hiệu Maktec màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 bình nén khí oxy màu sơn xanh, đầu bình có một núm van màu đồng ký hiệu QF-2C, kèm theo 01 bộ dây dẫn khí gồm 01 ống màu xanh và 01 ống màu đỏ, một đầu gắn vào bình oxy còn một đầu gắn vào hệ thống gas, trên 02 dây dẫn có gắn 01 bộ hàn khò, tất cả đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định bị cáo H và T sử dụng làm công cụ phạm tội.

Ngày 04/3/2018 chị Dương Thị Mai là vợ của bị can Nguyễn Văn Th đã tự nguyện giao nộp: 01 xe ô tô tải VAN, nhãn hiệu Suzuki màu sơn trắng, BKS:

20D- 014.83 mà Th sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình qua điều tra xác định chiếc xe ôtô trên là của chị Dương Thị Mai, hiện đang thế chấp tại ngân hàng VPBank- Chi nhánh huyện Đông Anh. Th sử dụng xe ôtô trên làm phương tiện đi trộm cắp xe ôtô của ông Mãi ngày 25/9/2017 thì chị Mai không biết. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chủ sở hữu, chị Mai đã nhận tài sản trên và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc điện thoại Th đã sử dụng để liên hệ với mục đích trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên hiện đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Anh tạm giữ do liên quan đến vụ án khác nên không đề cập xử lý;

Đối với chiếc vam bằng kim loại hình chữ "T" và 01 điện thoại di dộng của Nguyễn Văn Đ. Quá trình điều tra Đ khai nhận chiếc điện thoại đã đánh rơi, còn chiếc Vam Đ đã vứt bỏ trên đường về nhà, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Đối với 02 chiếc biển kiểm soát 29C- 292.17, Qu và Th đã vứt bỏ. Cơ quan điều tra đã dẫn giải bị cáo Th đến hiện trường nơi vị trí Th và Qu đã vứt bỏ 02 chiếc biển kiểm soát nêu trên nhưng không thu hồi được.

Đối với phần sắt xi của xe ô tô BKS: 29C- 292.17, bị can T đã khai nhận đã cắt nhỏ thành từng đoạn rồi để cùng với số sắt vụn của gia đình có từ trước, sau đó bán cho anh Nguyễn Văn Lập trú tại xóm Lê Lợi, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên lấy 6.500.000đ. Quá trình điều tra vụ án anh Lập xác định đã bán lại cho Công ty TNHH Thương mại Phú Cao Lâm tại phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được 6.100.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã làm việc với Công ty TNHH thương mại Phú Cao Lâm về nội dung trên nhưng đại diện Công ty TNHH thương mại Phú Cao Lâm không thừa nhận việc mua bán như anh Lập đã khai. Hiện số tài sản trên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa thu hồi được, tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án bị cáo Dương Văn H và Lục Minh T đã tự nguyện bồi thường cho ông Hoàng Xuân Mãi số tiền 80.000.000 đồng là trị giá của chiếc xe ô tô bị mất trộm và tiền mất thu nhập khi mất xe. Ông Mãi đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu các bị cáo trong vụ án phải bồi thường gì thêm đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H và T.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo T đã trả cho Th tiền mua xe trộm cắp. Quá trình điều tra chị Dương Thị Mai, là vợ của bị cáo Nguyễn Văn Th đã tự nguyện hoàn trả lại toàn bộ số tiền 20.000.000đồng cho bị cáo T nhận và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng mà T đã bán 01 tổng thành hộp số 520 cho ông Nguyễn Văn Tới. Quá trình điều tra bị cáo T đã trả lại số tiền trên cho ông Tới nhận lại. Ông Tới không có yêu cầu đề nghị gì.

Quá trình điều tra vụ án các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Lục Minh T và Dương Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với Trần Văn Qu, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra quyết định truy nã đối với Qu. Quyết định tách vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Trần Văn Qu, khi nào bắt được đề nghị xử sau.

Tại Bản cáo trạng số: 34/CT- VKSPY ngày 21/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Truy tố Dương Văn H và Lục Minh T tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 BLHS năm 1999.

Kiểm sát viên được phân công tiến hành tố tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 2 năm 03 tháng đến 2 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1Điều 46 BLHS 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 năm đến 2 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Lục Minh T; Dương Văn H mỗi bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Xử lý tang tài vật: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị:

Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280; 01 điện thoại di động nhãn hiệu GIGI V1 màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 máy mài kim loại, loại cầm tay, nhãn hiệu Maktec màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 bình nén khí oxy màu sơn xanh, đầu bình có một núm van màu đồng ký hiệu QF-2C, kèm theo 01 bộ dây dẫn khí gồm 01 ống màu xanh và 01 ống màu đỏ, một đầu gắn vào bình oxy còn một đầu gắn vào hệ thống gas, trên 02 dây dẫn có gắn 01 bộ hàn khò, tất cả đều đã qua sử dụng - Công cụ các bị cáo H và T sử dụng để phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Lục Minh T và Dương Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để xác định: Khoảng 02h00 ngày 25/9/2017, Trần Văn Qu, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn Th có hành vi chiếm đoạt 01 chiếc xe ôtô tải BKS 29C- 292.17 nhãn hiệu Cửu Long màu xanh, loại 1,2 tấn trị giá 45.000.000 đồng của ông Hoàng Xuân Mãi đang đỗ ở ven đường phía trước cửa nhà ông Mãi. Sau khi trộm cắp được chiếc xe ôtô nêu trên Qu và Th đem bán cho Dương Văn H và Lục Minh T được 20.000.000 đồng. Khi mua chiếc xe ôtô nêu trên H và T đều biết chiếc xe đó là do Th cùng đồng bọn chiếm đoạt được mà có.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Dương Văn H và Lục Minh T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Th và Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Cụ thể khoản 1 Điều 138 của BLHS quy định:

" Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc…, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Hành vi của H và T nêu trên đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 của BLHS năm 1999; cụ thể quy định:

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà …. tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm ".

[2] Xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với hành vi trộm cắp tài sản: Theo hồ sơ vụ án thì Trần Văn Qu giữ vai trò là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo bị cáo Th và Đ đi trộm cắp tài sản, đồng thời là người trực tiếp thực hiện tội phạm, hiện Qu đang bỏ trốn nên khi nào bắt được xử lý sau. Còn bị cáo Đ giữ vai trò là đồng phạm tích cực là người trực tiếp dùng vam phá khoá cửa xe ôtô để trộm cắp. Bị cáo Th với vai trò đồng phạm tích cực là người cảnh giới để cho Qu và Đ trộm cắp xe ô tô và là người trực tiếp đi bán chiếc xe ô tô trộm cắp cho T và H. Hành vi của hai bị cáo là không thể chấp nhận được. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với hai bị cáo có như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với họ và đấu tranh phòng ngừa chung. Mặt khác căn cứ

tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo Th trong vụ án này vì vậy áp dụng hình phạt tù đối với Th cao hơn mức án phạt tù đối với bị cáo Đ.

Tuy nhiên Trước khi phạm tội, hai bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, cả hai bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; tình tiết tăng nặng không. Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo.

Không áp dụng khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với hai bị cáo vì họ đều không có tài sản.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Dương Văn H và Lục Minh T. Hai bị cáo biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vì hám lợi vẫn mua chiếc ô tô do Th và Đ trộm cắp. Hai bị cáo cùng thực hiện hành vi như nhau nên vai trò như nhau. Về tình tiết giảm nhẹ: Hai bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, từ trước đến nay chưa có sai phạm gì. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Quá trình điều tra đã tự nguyện bồi thường cho ông Hoàng Xuân Mãi số tiền 80.000.000 đồng là giá trị của chiếc xe ô tô bị mất trộm và tiền mất thu nhập khi mất xe; ông Mãi có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cả 2 bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Xét thấy hai bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hai bị cáo hưởng án treo, quyết định như vậy là có căn cứ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với hai bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với hai bị cáo vì họ đều không có tài sản.

Về trách nhiêm dân sự: Tài sản trộm cắp ông Mãi đã nhận lại và không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có đề nghị bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng:Ngày 09/12/2017 bị cáo Lục Minh T tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen đã qua sử dụng; Dương Văn H giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu GIGI V1 màu đỏ đen đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định T và H đã sử dụng làm phương tiện liên lạc với các bị cáo khác để phạm tội. Do vậy tịch thu sung quỹ nhà nước.

Ngày 02/02/2018 chị Vương Thị Trinh là vợ của Lục Minh T đã tự nguyện giao nộp: 01 máy mài kim loại, loại cầm tay, nhãn hiệu Maktec màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 bình nén khí oxy màu sơn xanh, đầu bình có một núm van màu đồng ký hiệu QF-2C, kèm theo 01 bộ dây dẫn khí gồm 01 ống màu xanh và 01 ống màu đỏ, một đầu gắn vào bình oxy còn một đầu gắn vào hệ thống gas, trên 02

dây dẫn có gắn 01 bộ hàn khò, tất cả đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định bị cáo H và T sử dụng làm công cụ phạm tội. Do vậy tịch thu sung quỹ nhà nước.

[3] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về thủ tục tố tụng : Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Đ;

- Xử phạt: Nguyễn Văn Th 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Th đi thi hành án.

- Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù về tội " Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Đ đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 áp dụng đối với bị cáo Dương Văn H và Lục Minh T (tức Lục Văn T);

- Xử phạt: Dương Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (tháng) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Xử phạt: Lục Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (tháng) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Trong thời gian thử thách Tòa án giao bị cáo Dương Văn H và Lục Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo H, T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 đã qua sử dụng của Lục Minh T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu GIGI V1 màu đỏ đen đã qua sử dụng của Dương Văn H.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 máy mài kim loại, loại cầm tay, nhãn hiệu Maktec màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 bình nén khí oxy màu sơn xanh, đầu bình có một núm van màu đồng ký hiệu QF-2C, kèm theo 01 bộ dây dẫn khí gồm 01 ống màu xanh và 01 ống màu đỏ, một đầu gắn vào bình oxy còn một đầu gắn vào hệ thống gas, trên 02 dây dẫn có gắn 01 bộ hàn khò, tất cả đều đã qua sử dụng. Toàn bộ vật chứng theo Biên bản giao nhận, vật chứng ngày 05/7/ 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Đ, Dương Văn H và Lục Minh T mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo và chị Dương Thị Mai có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Xuân Mãi, ông Nguyễn Văn Lập và ông Nguyễn Văn Tới vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày các ông nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKS + CA thành phố P ;
- VKS tỉnh Vĩnh Phúc+ trại tạm giam
- THA hình sự + dân sự;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp Thái Nguyên;Hà Nội
- UBND xã Thành Công; xã Tiên Dược;
- UBND xã Khôi Kỳ;
- Lưu: VP + HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Tâm